

Số: 31/2024/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách
đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6
năm 2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động
không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm
2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 59/2024/NĐ-CP ngày 25
tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-
CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi,
bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 480/BC-PC ngày 04 tháng 7 năm 2024 của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã

a) Số lượng:

- Xã, thị trấn loại I, loại II bố trí tối đa không quá 10 người; xã, thị trấn loại III bố trí tối đa không quá 09 người.

- Phường bố trí tối đa không quá 09 người.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 12 chức danh:

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;

- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;

- Phó Chủ tịch Hội Nông dân (ở xã, thị trấn);

- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy;

- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ;

- Văn hóa - Xã hội - Thông tin - Truyền thông;

- Khuyến nông viên (ở xã, thị trấn);

- Nhân viên thú y (ở xã, thị trấn);

- Nhân viên kiểm tra quy tắc đô thị (ở phường).

c) Chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã có 08 chức danh:

- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

- Chủ tịch Hội Khuyến học;

- Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong;

- Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin;

- Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bảo vệ quyền trẻ em;

- Chủ tịch Hội Làm vườn và trang trại;

- Chủ tịch Hội Đông y.

2. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Số lượng:

Thôn, tổ dân phố bố trí tối đa 02 người; riêng các thôn, bản đặc biệt khó khăn bố trí tối đa 03 người (bố trí thêm Nhân viên y tế).

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 03 chức danh:

- Bí thư Chi bộ;
- Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố;
- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

c) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có 01 chức danh, riêng các thôn đặc biệt khó khăn có 02 chức danh (thêm chức danh Nhân viên y tế):

- Thôn, Tổ đội trưởng;
- Nhân viên y tế (ở thôn đặc biệt khó khăn).

3. Chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Mức phụ cấp, mức thù lao, mức hỗ trợ hàng tháng:

- Đối với người hoạt động không chuyên trách và chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã tại Phụ lục I kèm theo.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tại Phụ lục II kèm theo.

b) Việc kiêm nhiệm và mức phụ cấp kiêm nhiệm:

- Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố hoặc chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, chủ tịch hội đặc thù cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, chủ tịch hội đặc thù cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm và chỉ hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

- Phụ cấp kiêm nhiệm không được dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

4. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội (ngoài kinh phí do ngân sách cấp huyện, cấp xã thực hiện)

a) Ở xã, phường, thị trấn:

Hỗ trợ 32 triệu đồng/năm cho hoạt động đối với 05 tổ chức chính trị - xã hội (trong đó, mức 6,0 triệu đồng/năm đối với hoạt động của các tổ chức: Mặt trận Tổ quốc, Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân; mức 8,0 triệu đồng/năm đối với hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).



b) Ở thôn, tổ dân phố:

- Hỗ trợ 15 triệu đồng/năm cho hoạt động của thôn, tổ dân phố và hoạt động của 05 tổ chức chính trị - xã hội (Ban Công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; các Chi hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân).

- Hỗ trợ cho hoạt động của 04 trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố (gồm: Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Chi hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân) mức 0,20 hệ số/người/tháng.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, mức thù lao đối với chủ tịch các hội đặc thù ở cấp xã; chức danh, số lượng, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng



Phụ lục I

**MỨC PHỤ CẤP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
VÀ MỨC THU LẠO ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH HỘI ĐẶC THỦ Ở CẤP XÃ**

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chức danh	Xã, phường, thị trấn loại I (Hệ số so với lương cơ sở)	Xã, phường, thị trấn loại II, loại III (Hệ số so với lương cơ sở)
I	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		
1	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	1,3	1,2
2	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1,0	0,9
3	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,0	0,9
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,0	0,9
5	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,0	0,9
6	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1,0	0,9
7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	1,0	0,9
8	Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ	1,0	0,9
9	Văn hóa - Xã hội - Thông tin - Truyền thông	1,0	0,9
10	Khuyến nông viên	1,1	1,0
11	Nhân viên thú y	1,1	1,0
12	Nhân viên kiểm tra quy tắc đô thị	1,0	0,9

II	Chức danh chủ tịch hội đặc thù ở cấp xã		
1	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,8	0,8
2	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,8	0,8
3	Chủ tịch Hội Khuyến học	0,8	0,8
4	Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong	0,8	0,8
5	Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	0,8	0,8
6	Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bảo vệ quyền trẻ em	0,8	0,8
7	Chủ tịch Hội Làm vườn và trang trại	0,8	0,8
8	Chủ tịch Hội Đông y	0,8	0,8



Phụ lục II

**MỨC PHỤ CẤP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
VÀ MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**
(Kèm theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chức danh	Thôn, tổ dân phố loại I (Hệ số so với lương cơ sở)	Thôn, tổ dân phố loại II, loại III (Hệ số so với lương cơ sở)
I	Chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố		
1	Bí thư Chi bộ	1,1	1,0
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố	1,1	1,0
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9	0,8
II	Chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố		
1	Thôn, Tổ đội trưởng	0,8	0,7
2	Nhân viên y tế (ở thôn đặc biệt khó khăn)	0,7	0,6